

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tổ chức chia CỤM, Khối thi đua;
hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn số 1479/HD-BTĐKT ngày 25/7/2016 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về việc tổ chức CỤM, Khối thi đua của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, Cờ thi đua cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 55/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tại Tờ trình số 285/TTr-TT.HĐTĐKT ngày 31/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức chia CỤM, Khối thi đua; hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 18/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về



việc ban hành Quy định về tổ chức chia CỤM, Khối thi đua và thực hiện chấm điểm, xếp hạng thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKTTW;
- Ban TĐKTTW (Hà Nội, Tp.HCM);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- 125 đơn vị (danh sách kèm theo);
- Sở Nội vụ (05 bản);
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT, (N02).



Trần Tuệ Hiền

QUY ĐỊNH

**Về tổ chức chia Cụm, Khởi thi đua; hoạt động và bình xét,
xếp hạng thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 700 /QĐ-UBND
ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích, yêu cầu

1. Việc quy định về tổ chức chia Cụm, Khởi thi đua; hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua trên địa bàn tỉnh nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua và hoạt động Cụm, Khởi thi đua theo tinh thần Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng. Qua đó, biểu dương, khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, doanh nghiệp và các đơn vị, địa phương (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương) thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước và hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được giao.

2. Thông qua việc phân chia Cụm, Khởi thi đua nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương; phát huy vai trò của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước làm cơ sở cho việc đánh giá, bình xét các đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong các phong trào thi đua để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Việc xét thi đua và khen thưởng phải dựa trên tiêu chí cụ thể, đảm bảo đúng nguyên tắc theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Khen thưởng phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng thành tích và kịp thời, dân chủ, công bằng, tránh hình thức và bệnh thành tích, để thi đua và khen thưởng thực sự là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Điều 2. Nguyên tắc chia Cụm, Khởi thi đua

Căn cứ vào tình hình thực tế và đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chia Cụm, Khởi thi đua và ủy quyền cho Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức chia Cụm, Khởi thi đua cho các đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý và các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa

“Bảng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các đơn vị trong Khối theo quy định.

2. Khối phó

a) Phối hợp với Khối trưởng xây dựng quy định hoạt động, bình xét thi đua và chương trình, kế hoạch hoạt động của Khối.

b) Thay mặt Khối trưởng giải quyết những công việc khi được Khối trưởng ủy quyền.

c) Phối hợp với Khối trưởng chuẩn bị các nội dung tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết và ký giao ước thi đua của Khối.

d) Đảm nhận nhiệm vụ Khối trưởng năm tiếp theo.

3. Cơ quan Thường trực giúp việc Khối trưởng

a) Tham mưu, giúp Khối trưởng, Khối phó triển khai các yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

b) Tham mưu dự thảo kế hoạch, chương trình công tác, quy định hoạt động của Khối; chuẩn bị nội dung và các điều kiện tổ chức các hoạt động của Khối.

c) Phối hợp với công chức, viên chức phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên trong Khối đánh giá tình hình tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác khen thưởng. Rà soát, tổng hợp điểm thi đua của các đơn vị thành viên theo thang bảng điểm đã được các đơn vị thành viên trong Khối thống nhất và theo quy chế hoạt động của Khối.

d) Giúp Khối trưởng chuẩn bị các nội dung và điều kiện tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết và ký kết giao ước thi đua hàng năm của Khối và các nhiệm vụ khác do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh giao.

4. Các đơn vị thành viên trong Khối

a) Căn cứ chỉ tiêu, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, kế hoạch phát động phong trào thi đua hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã) hoặc do cấp có thẩm quyền giao để đăng ký các nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm gửi Khối trưởng trong Quý I hàng năm.

Đối với các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chương trình, kế hoạch của cấp trên trực tiếp giao để xây dựng đăng ký nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm gửi Khối trưởng.

b) Tham gia xây dựng nội dung và các tiêu chí thi đua, thang bảng điểm của Khối. Tổ chức phát động các phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các hoạt động của Khối.

d) Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung đã đăng ký giao ước thi đua và phát hiện, tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu, nhân rộng các mô hình tiêu biểu, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua.

đ) Tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua của đơn vị mình 06 tháng đầu năm và cả năm gửi Khôi trưởng phục vụ sơ kết, tổng kết Khôi. Tự chấm điểm thi đua theo quy định hoạt động của Khôi.

Điều 7. Hoạt động của Khôi thi đua

1. Đối với các Khôi thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

a) Căn cứ vào tình hình thực tế trong năm, Khôi thi đua tổ chức các hoạt động tọa đàm, giao lưu, đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ; học tập, trao đổi kinh nghiệm, cách làm hiệu quả... để nâng cao chất lượng hoạt động của Khôi thi đua.

b) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo sơ kết 06 tháng và tổng kết năm: Các thành viên trong Khôi thi đua báo cáo kết quả thực hiện các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ được giao (đối với Khôi thi đua), phát triển kinh tế - xã hội (đối với Cụm thi đua) và các chỉ tiêu thi đua đã ký kết 6 tháng, năm cho Khôi trưởng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

- Thời gian gửi báo cáo như sau:

+ Sơ kết 06 tháng trước ngày 05/7.

+ Tổng kết gửi trước ngày 05/01 năm sau.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo báo cáo:

+ Sơ kết gửi trước ngày 05/01 hàng năm.

+ Tổng kết gửi trước 05/7 hàng năm.

c) Khôi trưởng phối hợp với Khôi phó tổng hợp tình hình thực hiện các phong trào thi đua, các chỉ tiêu thi đua đã ký kết, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết và ký giao ước thi đua.

d) Thời gian tổ chức sơ kết, tổng kết quy định như sau:

- Tổ chức Hội nghị sơ kết vào tháng 7, địa điểm tại đơn vị Khôi phó.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết trước ngày 28 tháng 02 năm sau, địa điểm tại đơn vị Khôi trưởng.

đ) Sau khi sơ kết, tổng kết các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tuyên truyền, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, nhân tố mới để noi gương, học tập.

2. Đối với các Khôi thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý

Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, địa phương để quy định chế độ làm việc cho phù hợp, nhưng phải đảm bảo thời gian xét khen thưởng theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

Chương IV

NỘI DUNG, TIÊU CHÍ THI ĐUA CHỦ YẾU

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định các nội dung, tiêu chí, thang điểm thi đua chủ yếu; các Khối thi đua căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế của các đơn vị thành viên Khối thi đua để xây dựng nội dung, tiêu chí, thang bảng điểm thi đua cho phù hợp. Nội dung, tiêu chí thi đua phải được lượng hóa thành thang bảng điểm để làm cơ sở chấm điểm, xếp hạng thi đua và đề nghị khen thưởng.

Điều 8. Nội dung và tiêu chí thi đua chủ yếu

1. Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao: Điểm chuẩn 650 điểm.

a) Đối với Khối thi đua các sở, ban, ngành

- Hoàn thành tốt các chương trình, kế hoạch năm của cơ quan; hoàn thành đạt, vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan mà Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh đã giao.

- Kết quả công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách, công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực sở, ban, ngành phụ trách.

- Thể hiện rõ tinh thần chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao; giải quyết tốt các vấn đề mới phát sinh. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Cấp ủy Đảng trong việc thực hiện Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Thực hiện nghiêm Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện tốt Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Văn hóa công vụ.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 29/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh; sử dụng hiệu quả thời gian làm việc của

cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng hàng năm (Công văn số 4002/UBND-NC ngày 28/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý và điều hành công việc, xây dựng các chuyên đề, dự án, đề án phục vụ các chủ trương, giải pháp lớn của tỉnh thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị phụ trách.

- Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” (Công văn số 838/UBND-NC ngày 04/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Chấp hành tốt chế độ hội họp, thông tin báo cáo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

b) Đối với Khối thi đua các cơ quan Đảng

- Nghiên cứu, xây dựng, tham mưu Tỉnh ủy lãnh đạo chỉ đạo hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý và điều hành công việc, xây dựng các chuyên đề, dự án, đề án phục vụ các chủ trương, giải pháp lớn của tỉnh thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị phụ trách.

- Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý và điều hành công việc, xây dựng các chuyên đề, dự án, đề án phục vụ các chủ trương, giải pháp lớn của tỉnh thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị phụ trách.

- Thực hiện tốt Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Văn hóa công vụ.

- Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” (Công văn số 838/UBND-NC ngày 04/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Chấp hành tốt chế độ hội họp, thông tin báo cáo của Tỉnh ủy quy định.

c) Đối với Khối Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của ngành dọc cấp trên, tập trung trọng tâm là công tác tuyên truyền thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; các luật, pháp lệnh, văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành đến cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

- Chủ động trong công tác tham mưu, đề xuất cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có những chủ trương, giải pháp kịp thời, hiệu quả; chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

- Chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành và cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng; thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

- Đổi mới công tác tổ chức, tuyên truyền; vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực vào việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; triển khai thực hiện có hiệu quả 02 cuộc vận động: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, gắn với việc thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Dân vận trong tình hình mới”; công tác thực hiện chủ trương của Đảng về “Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở” và các phong trào của đoàn thể để có các hoạt động hỗ trợ đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

- Thực hiện tốt Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Văn hóa công vụ.

- Đào tạo nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” (Công văn số 838/UBND-NC ngày 04/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Chấp hành tốt chế độ hội họp, thông tin báo cáo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

d) Đối với Khối doanh nghiệp và ngân hàng

- Hoàn thành đạt và vượt mức các chỉ tiêu về sản xuất, kinh doanh trong năm, tăng so với năm trước như: tổng doanh thu, sản lượng, lợi nhuận thực hiện cao hơn kế hoạch, nộp ngân sách đầy đủ, đúng hạn; đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ,...

- Bảo toàn và phát triển năng lực hoạt động như: nhân lực, vốn, tài sản, máy móc, trang thiết bị, kế hoạch, chiến lược hoạt động, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu,...

- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật, bảo đảm sự minh bạch và lành mạnh về tài chính.

- Thực hiện tốt các giải pháp đề ra nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế bền vững và đảm bảo an sinh xã hội.

- Thực hiện tốt Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Văn hóa công vụ.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội, từ thiện, giải quyết việc làm, chăm lo đời sống cho người lao động, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường, tích cực tham gia các phong trào thi đua do địa phương tổ chức, phát động.

- Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” (Công văn số 838/UBND-NC ngày 04/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Đảm bảo vệ sinh, môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện cải cách hành chính.

- Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

- Chấp hành tốt chế độ họp, thông tin báo cáo theo quy định.

đ) Đối với Cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố; Cụm thi đua các xã, phường, thị trấn

- Hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giảm tỷ lệ hộ nghèo, giảm tỷ suất sinh, giải quyết việc làm, văn hóa, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, xây dựng cơ bản, kết cấu hạ tầng.

- Đảm bảo an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội; công tác tuyên truyền quân sự địa phương; thực hiện an toàn giao thông.

- Thực hiện tốt nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước.

- Thực hiện tốt Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án Văn hóa công vụ.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 29/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh; sử dụng hiệu quả thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh; giải quyết kịp thời việc khiếu nại, tố cáo, thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, quản lý đất đai, bảo vệ môi trường.

- Thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng hàng năm (Công văn số 4002/UBND-NC ngày 28/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” (Công văn số 838/UBND-NC ngày 04/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh).

- Chấp hành tốt chế độ hội họp, thông tin báo cáo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị: Điểm chuẩn 200 điểm.

a) Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

c) Triển khai thực hiện Quyết định số 999-QĐ/TU ngày 10/4/2018 của Tỉnh ủy về việc ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

đ) Tổ chức, triển khai, thực hiện việc đánh giá, xếp loại công tác dân vận chính quyền theo Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiêu chí, thang điểm và phương pháp đánh giá công tác dân

vận của các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

e) Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” chuyên đề hàng năm và toàn khóa.

g) Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

h) Xây dựng tổ chức đoàn thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng: Điểm chuẩn 100 điểm.

a) Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng.

b) Ban hành quy chế hoặc quy định về công tác thi đua, khen thưởng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng; thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và kiện toàn Hội đồng mỗi khi có thay đổi thành viên; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; thành lập Hội đồng Sáng kiến và kiện toàn Hội đồng mỗi khi có thay đổi thành viên; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Sáng kiến của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tổ chức, triển khai thực hiện các Phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch UBND tỉnh phát động (xây dựng kế hoạch phát động hoặc kế hoạch hưởng ứng; tổ chức thực hiện; kết quả thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương).

d) Tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt (chuyên đề) do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động; đánh giá kết quả và tác động của các phong trào thi đua đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về thi đua, khen thưởng; xây dựng kế hoạch, quan tâm phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến; có biện pháp, giải pháp xây dựng, tuyên truyền và nhân điển hình tiên tiến.

e) Công tác xét khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời và đúng thời gian quy định; hướng dẫn cụ thể về khen thưởng người lao động trực tiếp, nâng cao tỷ lệ khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước đối với người lao động trực tiếp.

g) Công tác kiểm tra, giám sát về công tác thi đua, khen thưởng; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan công tác thi đua, khen thưởng đúng quy định.

h) Tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng; công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng.

i) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo 6 tháng, hàng năm và các báo cáo khác đầy đủ, đúng thời gian quy định.

Giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng hàng năm để ban hành văn bản quy định tiêu chí thi đua, khen thưởng cho phù hợp.

Chương V

NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP, QUY TRÌNH CHẤM ĐIỂM, BÌNH XÉT THI ĐUA VÀ CƠ CẤU KHEN THƯỞNG, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 9. Nguyên tắc, căn cứ chấm điểm

1. Nguyên tắc chấm điểm

a) Chấm điểm, xếp hạng thi đua phải dựa vào kết quả và số liệu cụ thể (có tài liệu minh chứng) về thực hiện nhiệm vụ trong năm và được thực hiện tự giác, trung thực, chống mọi biểu hiện che dấu khuyết điểm, chạy theo thành tích.

b) Chấm điểm xếp hạng thi đua nhằm tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua, trao đổi học tập kinh nghiệm lẫn nhau, góp phần để hoàn thành tốt nhiệm vụ; đảm bảo tính nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định.

c) Tập thể được đề nghị khen thưởng phải hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vượt mức các chỉ tiêu đề ra; có tổ chức Đảng, đoàn thể được cơ quan có thẩm quyền đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và được ít nhất 2/3 thành viên trong Khối nhất trí.

d) Khi chấm điểm từng nội dung thi đua thì cơ quan, đơn vị, địa phương phải có văn bản giải trình hoặc văn bản kèm theo để chứng minh (Trường hợp không có văn bản giải trình hoặc văn bản chứng minh kèm theo thì chấm 0 điểm đối với tiêu chí đó).

2. Căn cứ chấm điểm

a) Các chỉ tiêu, kế hoạch đã đăng ký thi đua; văn bản điều chỉnh kế hoạch, chỉ tiêu của cấp có thẩm quyền trong năm (nếu có).

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm.

c) Căn cứ vào nhận xét, đánh giá, xếp loại của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan đến các tiêu chí trong thang bảng điểm thi đua.

Điều 10. Phương pháp, quy trình chấm điểm và quy định điểm thưởng, điểm trừ

1. Phương pháp chấm điểm

a) Khi chấm điểm các tiêu chí thi đua thì các đơn vị trong Khối phải có hồ sơ, văn bản cụ thể kèm theo để chứng minh cho từng tiêu chí, kể cả tiêu chí tính điểm thưởng.

b) Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ thể hiện trong báo cáo tổng kết năm, các đơn vị tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, tỷ lệ “%” đạt của từng tiêu chí thi đua. Điểm của từng tiêu chí thi đua bằng tỷ lệ “%” đạt nhân với điểm chuẩn của tiêu chí đó.

2. Quy trình chấm điểm

a) Khối trưởng gửi đề cương báo cáo đề nghị các đơn vị thành viên trong Khối báo cáo theo đề cương quy định và tự chấm điểm theo thang bảng điểm đã được Khối quy định.

b) Khối trưởng tổng hợp, rà soát điểm tự chấm của các đơn vị thành viên trên cơ sở đăng ký thi đua đầu năm, kết quả thực hiện nhiệm vụ và văn bản giải trình, chứng minh kết quả chấm điểm của các đơn vị và kết quả nhận xét, đánh giá của các sở, ngành có liên quan.

c) Khối trưởng có văn bản đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chấm điểm nội dung “Thực hiện nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng”.

d) Sau khi rà soát điểm tự chấm của các đơn vị thành viên, Khối trưởng tổ chức cuộc họp với các thành viên trong Khối để thống nhất kết quả chấm điểm. Kết quả chấm điểm cuối cùng là kết quả do Khối trưởng rà soát, chấm lại (*kể cả điểm thưởng, điểm trừ*) và được các đơn vị thành viên trong Khối thống nhất cộng với kết quả chấm điểm “Thực hiện nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng” do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chấm.

3. Quy định về điểm thưởng, điểm trừ

Tổng số điểm là 1.000 điểm (kể cả điểm thưởng), trong đó:

a) Điểm thưởng: 50 điểm, gồm:

- Thưởng các tiêu chí định lượng, theo nguyên tắc: cứ vượt 1% kế hoạch được giao thì được thưởng 1% điểm chuẩn của tiêu chí thi đua đó, nhưng không vượt quá 10% điểm chuẩn. Tổng số điểm thưởng các tiêu chí thi đua trong nội dung 1 không vượt quá 30 điểm.

- Thưởng tối đa 05 điểm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt việc khen thưởng cho cá nhân là người trực tiếp lao động đạt tỷ lệ từ 65% trở lên.

- Thưởng tối đa 05 điểm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có những nội dung thực hiện sáng tạo, có hiệu quả nổi bật trong công tác tổ chức các phong trào thi đua.

- Thưởng tối đa 05 điểm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác phát hiện, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến; trong năm có điển hình mới, mô hình mới.

b) Điểm trừ:

- Trừ do không chấp hành chế độ hội họp, thông tin báo cáo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Cụ thể: đơn vị vắng một cuộc họp không có lý



do trừ 01 điểm. Không báo cáo đúng thời gian quy định theo yêu cầu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

+ Trừ 01 điểm đối với các đơn vị có dưới 10% báo cáo không đúng thời gian quy định.

+ Trừ 02 điểm đối với các đơn vị có từ 11% đến 20% báo cáo không đúng thời gian quy định.

+ Trừ 03 điểm đối với các đơn vị có từ 21% đến 30% báo cáo không đúng thời gian quy định.

+ Tiếp tục, cứ tăng từ 01 đến 10% báo cáo không đúng thời gian quy định thì trừ 01 điểm (dựa trên kết quả theo dõi, tổng hợp, đánh giá của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm).

- Trừ 10 điểm trong tổng số điểm sau khi chấm, đồng thời không xét tặng thưởng Cờ Thi đua và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh đối với các tập thể có cá nhân lãnh đạo chủ chốt (Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc các sở và Trường, Phó các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch (Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp; Người đứng đầu và cấp Phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức; Bí thư, Phó Bí thư xã, phường, thị trấn; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách.

- Việc trừ điểm được thực hiện trong tổng số điểm sau khi chấm.

c) Ngoài nội dung điểm thưởng, điểm trừ nêu trên, các nội dung tính điểm thưởng, điểm trừ khác do Khối quy định.

d) Đối với các Khối do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý: các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để quy định điểm thưởng và điểm trừ cho phù hợp, nhưng phải đảm bảo tổng số điểm (kể cả điểm thưởng) không quá 1.000 điểm.

đ) Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu, kế hoạch được giao, các đơn vị tự chấm điểm cho đơn vị mình trên cơ sở thang điểm và phương pháp chấm điểm đã được thống nhất trong Khối.

e) Sau khi tổng hợp bảng chấm điểm, Khối trưởng, Khối phó và lãnh đạo các đơn vị thành viên trong Khối tiến hành họp để thống nhất kết quả chấm điểm và thảo luận, thống nhất chọn ra đơn vị dẫn đầu Khối thi đua. Các đơn vị được đề nghị tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phải là những tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vượt mức các chỉ tiêu thi đua được giao trong năm; có nhân tố mới, mô hình mới để

các tập thể khác trong Khối Thi đua học tập; có tổ chức Đảng, đoàn thể được cơ quan có thẩm quyền đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

Điều 11. Cơ cấu, số lượng khen thưởng và mức tiền thưởng

1. Đối với các Khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý

a) Căn cứ vào kết quả bình xét, chấm điểm, Khối trưởng đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ Thi đua cho 01 đơn vị dẫn đầu Khối thi đua được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vượt mức các chỉ tiêu thi đua được giao trong năm (đủ điều kiện, tiêu chuẩn tặng thưởng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh); đồng thời, các đơn vị có tổng số điểm thấp hơn liền kề với đơn vị hạng nhất đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Bằng khen (phải đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định). Số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định như sau:

- Khối Thi đua có từ 06 đến dưới 08 đơn vị: 02 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Khối Thi đua có từ 08 đơn vị đến dưới 11 đơn vị: 03 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Khối Thi đua có từ 11 đơn vị trở lên: 04 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trong số những đơn vị đủ điều kiện, tiêu chuẩn được đề nghị tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh sẽ chọn ra các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất (có đăng ký Cờ Thi đua của Chính phủ từ đầu năm) để bình xét đề nghị tặng Cờ Thi đua của Chính phủ (các đơn vị được đề nghị tặng Cờ Thi đua của Chính phủ sẽ không được tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Đối với Khối thi đua các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh không xét đề nghị tặng Cờ Thi đua của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ hiệp y khi có đề nghị của Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

c) Cơ quan, đơn vị, địa phương có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong từng lĩnh vực (đạt tổng số điểm từ 900 điểm trở lên) nhưng không thuộc trường hợp được khen thưởng tại Điểm a Khoản 1 Điều này thì được xem xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Bằng khen. Số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định như sau:

- Khối Thi đua có từ 06 đến dưới 11 đơn vị: 01 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Khối Thi đua có từ 11 đơn vị trở lên: 02 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Đối với các doanh nghiệp trong năm thực hiện tốt công tác từ thiện - xã hội, có đóng góp từ 300 triệu đồng/năm trở lên nhưng không được tặng thưởng Cờ Thi đua của UBND tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh ở Khối thi

đưa thì Khôi trưởng xem xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng Bằng khen về công tác từ thiện - xã hội.

2. Đối với các Khôi thi đua do Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý

a) Đối với các Khôi thi đua do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý

- Xét chọn 03 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc trong số các đơn vị dẫn đầu các Khôi thi đua để đề nghị tặng thưởng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xét chọn 01 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc trong số các đơn vị dẫn đầu Khôi thi đua Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố để đề nghị tặng thưởng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản này.

b) Đối với Khôi thi đua do Giám đốc các sở, ngành quản lý quy định tại Khoản 1, Điều 4 Quy định này

- Mỗi sở, ngành xét chọn 01 đơn vị tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu Khôi thi đua để đề nghị tặng thưởng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản này.

c) Đối với Cụm, Khôi thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quản lý

- Mỗi huyện, thị xã, thành phố xét chọn 05 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc trong số những đơn vị dẫn đầu Cụm, Khôi thi đua để đề nghị tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh theo cơ cấu như sau:

+ 01 đơn vị cấp xã tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu Cụm thi đua xã, phường, thị trấn.

+ 01 đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong số các đơn vị dẫn đầu Khôi thi đua các cơ quan ban Đảng, Mặt trận, các đoàn thể cấp huyện và Khôi thi đua các phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp huyện.

+ 01 đơn vị trường học tiêu biểu xuất sắc trong số các trường học dẫn đầu Khôi Thi đua các Trường Trung học cơ sở.

+ 01 đơn vị trường học tiêu biểu xuất sắc trong số các trường học dẫn đầu Khôi thi đua các Trường Tiểu học.

+ 01 đơn vị trường học tiêu biểu xuất sắc trong số các trường học dẫn đầu Khôi thi đua các Trường Mầm non.

- Số lượng đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản này.

d) Cơ cấu, số lượng đề nghị Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Các đơn vị dẫn đầu Khối thi đua mà không được tặng thưởng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được xét đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời các đơn vị có số điểm liền kề sau đơn vị dẫn đầu Cụm, Khối thi đua thì được xem xét đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh với số lượng quy định như sau:

- Khối Thi đua có từ 05 đến dưới 08 đơn vị: 02 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Khối Thi đua có từ 08 đơn vị đến dưới 11 đơn vị: 03 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Khối Thi đua có từ 11 đơn vị trở lên: 04 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Mức tiền thưởng kèm theo Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 12. Bình xét thi đua

1. Bình xét thi đua hàng năm, trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và hiệu quả thực hiện các phong trào thi đua ở các đơn vị thành viên; đồng thời căn cứ bảng tự chấm điểm của các đơn vị trong Cụm, Khối cho các tập thể; Cụm trưởng, Khối trưởng và Cụm phó, Khối phó có trách nhiệm rà soát, tổng hợp, nhận xét đánh giá và báo cáo trước Hội nghị tổng kết của Cụm, Khối.

2. Việc bình bầu, xếp loại thi đua được Cụm, Khối bình xét và suy tôn tại Hội nghị tổng kết hàng năm và được thực hiện theo nguyên tắc công khai, dân chủ, chính xác, công bằng và có sự đồng thuận thống nhất của các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối. Các tập thể được đề nghị tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh phải là những tập thể hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác trong Cụm, Khối học tập; có tổ chức Đảng, đoàn thể được cơ quan có thẩm quyền đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và có tổng số điểm từ 950 điểm trở lên; các tập thể đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Bằng khen phải có tổng số điểm từ 900 điểm trở lên.

Chỉ áp dụng hình thức bỏ phiếu kín trong các trường hợp sau: khi có từ 02 đơn vị trở lên có tổng số điểm bằng nhau; khi các đơn vị trong Cụm, Khối không thống nhất kết quả xếp hạng hoặc không bình xét được đơn vị dẫn đầu.

Điều 13. Chưa xét thi đua đối với những cơ quan, đơn vị, địa phương

Trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc bị báo chí phản ánh... đang được xác minh làm rõ.

Điều 14. Không xét thi đua đối với những cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Không tham gia đăng ký và ký kết giao ước thi đua hàng năm.

2. Có lãnh đạo chủ chốt (Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc các sở và Trường, Phó các ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch (Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp; Trưởng, Phó các ban Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp cấp huyện; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn) bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Điều 15. Quy định về hồ sơ và thời gian đề nghị khen thưởng

Hồ sơ đề nghị tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) trước ngày 28/02 hàng năm (đối với ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 30/7 hàng năm), số lượng 02 bộ, gồm:

1. Tờ trình đề nghị khen thưởng của Khối trưởng (hoặc của Giám đốc sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được ủy quyền tổ chức chia Cùm, Khối thi đua quy định tại Điều 4 Quy định này).

2. Biên bản họp Cùm, Khối thi đua có ghi kết quả chấm điểm thi đua của các cơ quan, đơn vị, địa phương (*riêng đối với các Cùm, Khối thi đua trực thuộc sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố thì bổ sung thêm Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố*).

3. Báo cáo thành tích của các tập thể được đề nghị tặng Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hàng năm, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của Trung ương và tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng đến các cơ quan, đơn vị, địa phương. Phân công cụ thể các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thường xuyên theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đôn đốc các Cùm, Khối tổ chức tốt các hoạt động và phong trào thi đua nhằm hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua đã ký kết và nhiệm vụ chính trị được giao.

Điều 17. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia Cùm, Khối thi đua của tỉnh có trách nhiệm triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện đúng các quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cùm, Khối thi đua thuộc tỉnh, đồng thời đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình với các nội dung và tiêu chí thi đua cụ thể, thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước của tỉnh, làm động lực

phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Đối với Cụm, Khối thi đua đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quản lý, có trách nhiệm tổ chức phát động và thực hiện các phong trào thi đua, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và bình chọn các đơn vị xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo quy định.

Điều 19. Giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn Quy định về tổ chức chia Cụm, Khối thi đua; hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước; đồng thời, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp, bổ sung các đơn vị mới lần đầu đăng ký tham gia các Khối thi đua hoặc điều chỉnh tổ chức các Khối thi đua khi cần thiết.

Trên đây là Quy định về tổ chức chia Cụm, Khối thi đua; hoạt động và bình xét, xếp hạng thi đua trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các Cụm, Khối thi đua kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Trần Tuệ Hiền

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC CỤM, KHỐI THI ĐUA CỦA TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 700 /QĐ-UBND
ngày 06 / 4 /2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Stt	Tên cơ quan, đơn vị, địa phương
Khối thi đua số 1	
1	Văn phòng Tỉnh ủy.
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy.
3	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
4	Ban Dân vận Tỉnh ủy.
5	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.
6	Ban Nội chính Tỉnh ủy.
7	Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh.
8	Trường Chính trị tỉnh.
9	Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.
Khối thi đua số 2	
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.
2	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.
3	Hội Nông dân tỉnh.
4	Hội Cựu chiến binh tỉnh.
5	Hội Chữ thập đỏ tỉnh.
6	Liên đoàn Lao động tỉnh.
7	Tỉnh đoàn Bình Phước.
Khối thi đua số 3	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
2	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.
3	Sở Nội vụ.
4	Thanh tra tỉnh.



5	Sở Tư pháp.
6	Sở Ngoại vụ.
Khối thi đua số 4	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư.
2	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.
3	Sở Công Thương.
4	Sở Tài chính.
5	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh.
6	Quỹ Phát triển đất tỉnh.
Khối thi đua số 5	
1	Sở Xây dựng.
2	Sở Tài nguyên và Môi trường.
3	Sở Giao thông vận tải.
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
5	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bù Gia Mập.
6	Liên minh Hợp tác xã tỉnh.
7	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh.
Khối thi đua số 6	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo.
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
4	Sở Y tế.
5	Sở Khoa học và Công nghệ.
6	Sở Thông tin và Truyền thông.
7	Ban Dân tộc.
8	Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước.
9	Trường Cao đẳng Bình Phước.

Khối thi đua số 7	
1	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh.
2	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh.
3	Hội Nhà báo tỉnh.
4	Hội Luật gia tỉnh.
5	Hội Bảo trợ Người khuyết tật, Trẻ mồ côi và Bệnh nhân nghèo tỉnh.
6	Hội Khuyến học tỉnh.
7	Hội Người mù tỉnh.
8	Hội Nạn nhân chất độc màu da cam/dioxin tỉnh.
9	Hội Người cao tuổi tỉnh.
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh.
11	Đoàn Luật sư tỉnh.
12	Hội Đông y tỉnh.
13	Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh.
14	Hội Doanh nghiệp trẻ tỉnh.
15	Hội Nữ Doanh nhân tỉnh.
Khối thi đua số 8	
1	Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bình Phước.
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Bình Phước.
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước.
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước.
5	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bình Phước.
6	Quỹ Đầu tư phát triển Bình Phước.
7	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Chơn Thành.
8	Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Bình Phước.
9	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Bình Phước.



10	Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Phước.
11	Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Bình Phước.
12	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước.
13	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Bình Phước.
14	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước.
15	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Phước.
16	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Bình Phước.
17	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước.
18	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước.
19	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh Bình Phước.
20	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Bình Phước.
Khởi thi đua số 9	
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước.
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước.
3	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước.
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước.
5	Công ty Cổ phần Dược và Vật tư y tế Dapharco.
6	Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.
7	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước.
Khởi thi đua số 10	
1	Bưu điện tỉnh Bình Phước.
2	Viễn thông Bình Phước.
3	Công ty Điện lực Bình Phước.
4	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.
5	Công ty Cổ phần Thủy điện Sook Phu Miêng.
6	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn.
7	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Long.

8	Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh.
9	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng.
10	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.
11	Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước.
12	Chi nhánh Viettel Bình Phước.
13	Công ty Bảo Việt Bình Phước.
Khởi thi đua số 11	
1	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.
2	Tòa án nhân dân tỉnh.
3	Cục Thi hành án Dân sự tỉnh.
4	Công an tỉnh.
5	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.
6	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh.
7	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.
Khởi thi đua số 12	
1	Kho bạc Nhà nước Bình Phước.
2	Cục Thuế tỉnh.
3	Cục Hải quan tỉnh.
4	Cục Thống kê tỉnh.
5	Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Bình Phước.
6	Cục Quản lý thị trường Bình Phước.
7	Bảo hiểm xã hội tỉnh.
8	Trường Cao đẳng Công nghiệp cao su Bình Phước.
Cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố	
1	Thành phố Đồng Xoài.
2	Thị xã Bình Long.
3	Thị xã Phước Long.

4	Huyện Chơn Thành.
5	Huyện Đồng Phú.
6	Huyện Bù Đốp.
7	Huyện Bù Gia Mập.
8	Huyện Bù Đăng.
9	Huyện Hớn Quản.
10	Huyện Lộc Ninh.
11	Huyện Phú Riêng.